TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy

2. Ông Nguyễn Hoàng Thanh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 296/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị M - Văn phòng Luật sư M, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 25/01/2019, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Chí H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2009 ngày 21/6/2010. Quá trình chung sống, chị và anh H không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nay mâu thuẫn giữa chị và anh H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia Đ, sinh ngày: 20/7/2011 và Nguyễn Hoàng Phi Y, sinh ngày 02/11/2015. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phi Y, giao con chung Gia Đ cho anh H nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay, chị đang thuê nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, chị làm thuê phụ quán cơm một ngày 200.000đ, bình quân 01 tháng 6.000.000đ nên chị đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 08/01/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Chí H trình bày:* Anh và chị Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2010; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2009 ngày 21/6/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường nhưng đến khoảng cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mỗi lần cãi vã là vợ anh bỏ đi ra khỏi nhà, đi đâu anh cũng không rõ. Sau đó, vợ anh về chung sống với nhau rồi tiếp tục cãi vã, đến tháng 11/2018 chị N lại bỏ đi cho đến nay. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung đúng như chị N trình bày. Anh khồng đồng ý yêu cầu của chị N; anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi sinh ra đến nay, chị N thường xuyên bỏ nhà đi một mình, anh vẫn một mình nuôi 02 con khôn lớn bình thường. Hiện nay, anh có nhà ổn định, thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng, anh đủ khả năng để nuôi con. Còn chị N không có nhà cửa ổn định.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia Đ, sinh ngày: 20/7/2011 và Nguyễn Hoàng Phi Y, sinh ngày 02/11/2015. Cháu Y chỉ hơn 03 tuổi là con gái, chị N có nghề nghiệp và nơi ở ổn định. Do đó, việc giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo cho sự phát triển đầy đủ của cháu Y. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N. Chị N được ly hôn anh H; về con chung: Anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm "Ly hôn".

* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn của chị N và anh H; Giấy khai sinh cháu Đ, cháu Y; Sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Hữu O; Giấy chứng minh nhân dân chị N; Đơn nguyện vọng của cháu Đ ngày 30/01/2019; Biên bản xác minh ngày 07/01/2019, 20/02/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" giữa chị và anh Nguyễn Chí H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 12/3/2019, nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2009 ngày 21/6/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị chung sống bình thường, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do anh chị bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi vã, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, thông cảm, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không tìm cách hàn gắn mà mỗi người sống một nơi nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị N yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý. Tại Biên bản xác minh ngày 07/01/2019 và ngày 20/02/2019, chính quyền địa phương cung cấp: "Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Chí H chính quyền địa phương không rõ. Vì chị N và anh H không báo chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Thời gian sống tại địa phương, chị N phụ mẹ chồng làm bánh tráng, anh H làm nghề khai thác đá chẻ và phụ mẹ làm bánh tráng, thu nhập bình quân địa phương không rõ.", "Cháu Nguyễn Hoàng Phi Y, sinh ngày 02/11/2015 là con của anh Nguyễn Chí H, sinh năm: 1984 và chị Trần Thị N, sinh năm: 1992 đều cư trú tại thôn N - xã Đ - thành phố V - tỉnh Khánh Hòa.

Cháu Y hiện nay sống cùng với bố là anh H và bà nội là bà Nguyễn Thị T. Chị N đã không còn sinh sống tại địa phương". Xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia Đ, sinh ngày: 20/7/2011 và Nguyễn Hoàng Phi Y, sinh ngày 02/11/2015. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phi Y, giao con chung Gia Đ cho anh H nuôi dưỡng. Anh H không đồng ý, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Chị N có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, thành phố V nhưng hiện nay chị không còn sinh sống tại địa phương, chị vào làm việc và ở trọ tại thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật cư trú năm 2006, chị N không có nơi cư trú ổn định. Bản thân anh H sinh sống cùng nhà với mẹ ruột và địa phương xác nhận anh H có nghề nghiệp ổn định.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Bản thân chị N chưa có đủ điều kiện để nuôi con; cháu Đ có nguyện vọng được sống với bố và hiện nay hai cháu Gia Đ, Phi Y đang sống với bố nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần tiếp tục giao cháu hai cháu Gia Đ, Phi Y cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Chí H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Chí H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Nguyễn Hoàng Gia Đ, sinh ngày: 20/7/2011 và Nguyễn Hoàng Phi Y, sinh ngày 02/11/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Chí H về việc không yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Chí H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000167 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Chị N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Anh Nguyễn Chí H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;
- CCTHADS t.p V;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công